BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

NGUYỄN NGÂN HÀ

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Ngành: **Triết học**

Mã số: **9 22 90 01**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành tại:

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Người hướng dẫn khoa học: PGS,TS. Lê Thị Thanh Hà

TS. Phạm Lê Dạ Hương

***Chủ tịch Hội đồng*:**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện

họp tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền

vào hồi .... giờ .... ngày .... tháng ..... năm 2026…

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia, Hà Nội
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Theo Triết học Mác - Lênin, Nhà nước không chỉ là thiết chế quyền lực chính trị mà còn thực hiện chức năng xã hội, trong đó có bảo đảm đời sống và lợi ích của nhân dân. An sinh xã hội là một nội dung quan trọng trong chức năng xã hội của Nhà nước, góp phần bảo đảm đời sống cơ bản, hỗ trợ người dân trước các rủi ro, giảm bất bình đẳng và duy trì ổn định xã hội.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, chuyển đổi số, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, già hóa dân số, biến đổi khí hậu và những biến động của thị trường lao động, các vấn đề và nhu cầu về an sinh xã hội ngày càng đa dạng. Điều đó đặt ra yêu cầu xây dựng hệ thống an sinh xã hội có khả năng thích ứng, bao phủ và lấy con người làm trung tâm, đồng thời đòi hỏi Nhà nước nâng cao năng lực hoạch định, tổ chức thực hiện, huy động và phân bổ nguồn lực, kiểm tra, giám sát và đánh giá chính sách.

Ở Việt Nam, sau hơn 40 năm đổi mới, hệ thống an sinh xã hội đã đạt nhiều kết quả quan trọng, thể hiện ở việc mở rộng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, giảm nghèo, hỗ trợ các nhóm yếu thế và tăng cường đầu tư cho các dịch vụ xã hội cơ bản. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế về phạm vi bao phủ, nguồn lực, mức hỗ trợ, chất lượng dịch vụ và hiệu quả tổ chức thực hiện; khả năng tiếp cận an sinh xã hội giữa các nhóm dân cư và vùng, miền còn chưa đồng đều.

Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu làm rõ vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội. Từ góc độ Triết học Mác - Lênin, nghiên cứu vấn đề góp phần làm rõ chức năng xã hội của Nhà nước, cũng như mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong điều kiện Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài *"Vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay"* làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Triết học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án xây dựng cơ sở lý luận về vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội phân tích thực trạng và những vấn đề đặt ra từ thực trạng vai trò của Nhà nước việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay; từ đó luận án đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm phát huy vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án, chỉ ra những giá trị của các công trình liên quan đến luận án và những vấn đề luận án cần tiếp tục giải quyết.

Hai là, xây dựng cơ sở lý luận về vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam.

Ba là, đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra từ thực trạng vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Bốn là, đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm phát huy vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án nghiên cứu vai trò của Nhà nước Việt Nam trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội; tập trung làm rõ cơ sở lý luận, bản chất, nội dung, phương thức biểu hiện và các nhân tố tác động đến vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam; phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục phát huy vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam thời gian tới.

- *Về không gian nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam.

- *Về thời gian nghiên cứu:* Luận án nghiên cứu vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội từ Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 10/6/2012, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) Về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 đến nay. Các giải pháp được đề xuất cho thời gian tới, theo Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được xây dựng trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Nhà nước, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, vai trò của Nhà nước trong quản lý, quản trị quốc gia và phát triển xã hội, thực hiện chính sách an sinh xã hội. Đồng thời, luận án kế thừa có chọn lọc những kết quả nghiên cứu đã được công bố trong và ngoài nước liên quan đến Nhà nước, chính sách an sinh xã hội và vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án tiếp cận vấn đề chủ yếu từ góc độ Triết học, dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Các phương pháp phân tích - tổng hợp, lịch sử - lôgic, so sánh và khái quát hóa được sử dụng phù hợp với từng nội dung nghiên cứu. Luận án đồng thời sử dụng dữ liệu thứ cấp từ văn kiện của Đảng, hệ thống pháp luật, báo cáo của cơ quan Nhà nước, số liệu thống kê và các công trình khoa học đã công bố; kết hợp cách tiếp cận hệ thống và liên ngành để bổ trợ cho cách tiếp cận Triết học.

5. Những đóng góp mới của luận án

- Luận án góp phần bổ sung và phát triển cơ sở lý luận về vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội dưới góc độ triết học Mác - Lênin, đó là việc thực

hiện mối quan hệ biện chứng giữa chức năng giai cấp và chức năng xã hội của nhà nước làm rõ bản chất, nội dung, phương thức biểu hiện và các nhân tố tác động đến vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội trong bối cảnh hiện nay.

- Luận án làm rõ thực trạng vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam từ năm 2012 đến nay; chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế, qua đó góp phần luận giải những vấn đề đặt ra từ thực trạng vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay.

- Luận án đề xuất hệ thống giải pháp có cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm tiếp tục phát huy vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý luận về vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội dưới góc độ triết học Mác - Lênin. Luận án làm rõ vai trò của Nhà nước trên các phương diện hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và đánh giá chính sách; đồng thời khái quát các nhân tố tác động đến vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp cơ sở tham khảo cho việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam. Các phân tích về vai trò của Nhà nước góp phần làm rõ trách nhiệm trong xác định mục tiêu, thiết kế chính sách, huy động và phân bổ nguồn lực, tổ chức thực hiện, kiểm tra và giám sát chính sách. Kết quả nghiên cứu về những thành tựu, hạn chế và vấn đề đặt ra có thể hỗ trợ việc đánh giá, điều chỉnh chính sách phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội. Từ góc độ triết học Mác - Lênin, luận án khái quát vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội là định hướng, điều phối, bảo đảm và điều tiết, nhằm bảo đảm an sinh cho người dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm 4 chương và 11 tiết.

Chương 1
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan những công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án

1.1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến cơ sở lý luận về vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội

Các công trình nghiên cứu đã cung cấp cơ sở lý luận phong phú về Nhà nước, vai trò của Nhà nước, Nhà nước pháp quyền, Nhà nước kiến tạo phát triển và chức năng xã hội của Nhà nước, đồng thời làm rõ khái niệm, cấu trúc, mục tiêu và các trụ cột của an sinh xã hội. Một số nghiên cứu đã trực tiếp đề cập đến vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm quyền an sinh xã hội và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Các công trình cũng cung cấp nhiều cách tiếp cận về quản trị, phân bổ nguồn lực, bảo đảm quyền con người và phát triển hệ thống an sinh xã hội.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu liên quan đến thực trạng vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội

Các công trình đã phản ánh tương đối toàn diện thực trạng vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam, tập trung vào xây dựng thể chế, tổ chức thực hiện, huy động và phân bổ nguồn lực, kiểm tra, giám sát và bảo đảm quyền an sinh xã hội. Các nghiên cứu ghi nhận những kết quả nổi bật trong mở rộng diện bao phủ, giảm nghèo, bảo hiểm, trợ giúp xã hội và bảo đảm công bằng, tiến bộ xã hội, đồng thời chỉ ra những hạn chế về mức độ bao phủ, nguồn lực, hiệu quả thực thi và sự đồng bộ của hệ thống. Bên cạnh đó, các công trình đã nhận diện những thách thức mới từ chuyển đổi số, biến đổi khí hậu, già hóa dân số, lao động phi chính thức, biến động thị trường lao động và yêu cầu bảo đảm an ninh con người.

1.1.3. Những công trình nghiên cứu liên quan đến giải pháp phát huy vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội

Các công trình nghiên cứu về giải pháp phát huy vai trò của Nhà nước trong viêc thực hiện chính sách an sinh xã hội tập trung vào ba hướng chủ yếu: (1) hoàn thiện thể chế, pháp luật và chính sách, nâng cao vai trò kiến tạo, định hướng và điều phối của Nhà nước; (2) nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện thông qua cải cách quản lý, tăng cường giám sát, huy động nguồn lực, ứng dụng công nghệ và mở rộng diện bao phủ; (3) phát triển hệ thống an sinh xã hội theo hướng đa tầng, bao trùm, bền vững, thích ứng với các cú sốc và bảo đảm an sinh trong suốt vòng đời. Các nghiên cứu đồng thời nhấn mạnh sự phối hợp giữa Nhà nước, thị trường và xã hội trong cung ứng an sinh.

1.2. Giá trị của những công trình đã tổng quan liên quan đến luận án và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

1.2.1. Giá trị của những công trình đã tổng quan liên quan đến luận án

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có thể thấy, vấn đề vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội đã được tiếp cận tương đối toàn diện từ nhiều góc độ lý luận, thực trạng và giải pháp, tạo nền tảng khoa học quan trọng cho việc triển khai nghiên cứu của luận án.

Về phương diện lý luận: Các công trình đã cung cấp cơ sở lý luận phong phú về Nhà nước, an sinh xã hội và vai trò của Nhà nước từ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ

Chí Minh đến các cách tiếp cận hiện đại như Nhà nước pháp quyền, Nhà nước kiến tạo và quản trị quốc gia. Đồng thời, các nghiên cứu làm rõ khái niệm, cấu trúc, các trụ cột của an sinh xã hội và vai trò của Nhà nước trong xây dựng thể chế, ban hành chính sách, phân bổ nguồn lực, tổ chức thực hiện và giám sát.

Về phương diện thực trạng: Các công trình đã phản ánh tương đối toàn diện thực trạng thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam, làm rõ những thành tựu của Nhà nước trong mở rộng bao phủ bảo hiểm, giảm nghèo, trợ giúp xã hội và cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản. Đồng thời, các nghiên cứu chỉ ra những hạn chế, thách thức về độ bao phủ, nguồn lực, chất lượng dịch vụ và khả năng thích ứng trước già hóa dân số, biến đổi khí hậu, chuyển đổi số và các cú sốc kinh tế - xã hội.

Về phương diện giải pháp: Các công trình đã đề xuất nhiều giải pháp nhằm phát huy vai trò của Nhà nước thông qua hoàn thiện thể chế, chính sách và pháp luật; đổi mới quản trị, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện, kiểm tra và giám sát. Đồng thời, các nghiên cứu định hướng phát triển hệ thống an sinh xã hội theo hướng đa tầng, hiện đại, bao trùm, bền vững và thích ứng, cung cấp cơ sở quan trọng để luận án xây dựng quan điểm và giải pháp trong giai đoạn mới.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra tiếp tục nghiên cứu của luận án

Bên cạnh những kết quả đạt được, tổng quan các công trình nghiên cứu cũng cho thấy vẫn còn một số vấn đề lý luận và thực tiễn chưa được nghiên cứu đầy đủ, cần tiếp tục làm rõ.

Thứ nhất, luận án xây dựng khung lý luận thống nhất về vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội, làm rõ nội dung vai trò và các yếu tố tác động, trên cơ sở hài hòa chức năng kinh tế và chức năng xã hội, lấy con người làm trung tâm.

Thứ hai, luận án phân tích thực trạng vai trò của Nhà nước trong toàn bộ quá trình thực hiện chính sách an sinh xã hội dưới góc độ triết học, tập trung vào: hoàn thiện thể chế; tổ chức thực hiện; huy động, phân bổ nguồn lực; kiểm tra, giám sát và đánh giá.

Thứ ba, trên cơ sở lý luận và thực trạng, luận án đề xuất hệ thống giải pháp phát huy vai trò của Nhà nước theo hướng hoàn thiện thể chế, tăng cường nguồn lực, nâng cao năng lực quản lý và giám sát, mở rộng bao phủ và huy động sự tham gia của xã hội, hướng tới hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, bao trùm và bền vững.

Tiểu kết Chương 1

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã cung cấp cơ sở quan trọng để nhận thức về Nhà nước, an sinh xã hội và vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội. Tuy nhiên, vấn đề này vẫn chưa được tiếp cận một cách thống nhất, đặc biệt trong mối quan hệ giữa vai trò của Nhà nước với điều kiện kinh tế - xã hội, quá trình thực hiện chính sách và yêu cầu tiến bộ, công bằng xã hội. Khoảng trống đó đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu từ góc độ Triết học Mác - Lênin, gắn lý luận với thực tiễn Việt Nam. Đây là cơ sở để luận án xác lập cách tiếp cận và khung lý luận phù hợp cho các nội dung nghiên cứu tiếp theo.

Chương 2
VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Nhà nước và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1.1.1. Khái quát chung về Nhà nước

Một là, về nguồn gốc và bản chất của Nhà nước: Theo quan điểm Mác - Lênin, Nhà nước là sản phẩm lịch sử của xã hội có giai cấp và mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa; đồng thời là thiết chế quyền lực chính trị đặc biệt, mang bản chất giai cấp và thực hiện quyền lực thông qua pháp luật, bộ máy nhà nước.

Hai là, về Nhà nước trong quan điểm Hồ Chí Minh và lý thuyết hiện đại: Tư tưởng Hồ Chí Minh nhấn mạnh Nhà nước "của dân, do dân, vì dân", lấy phục vụ nhân dân làm mục tiêu. Weber tiếp cận Nhà nước như thiết chế quyền lực hợp pháp, có độc quyền chính đáng về sử dụng bạo lực trong một lãnh thổ xác định.

Ba là, về vai trò của Nhà nước: Nhà nước vừa là thiết chế quyền lực bảo vệ chế độ kinh tế - chính trị, vừa là chủ thể quản lý, tổ chức đời sống xã hội, cung cấp dịch vụ công và thực hiện chính sách xã hội. Ở Việt Nam, Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong định hướng, điều tiết và thúc đẩy phát triển xã hội.

Bốn là, về các chức năng cơ bản của Nhà nước: Nhà nước thực hiện hai chức năng cơ bản là chức năng giai cấp (chính trị) và chức năng xã hội. Chức năng giai cấp thể hiện quyền lực và bảo vệ trật tự chính trị - xã hội; chức năng xã hội hướng tới đáp ứng nhu cầu chung, bảo đảm quyền lợi của nhân dân và thúc đẩy công bằng xã hội.

Năm là, về mối quan hệ giữa hai chức năng: Chức năng giai cấp và chức năng xã hội tồn tại trong mối quan hệ biện chứng, thống nhất và bổ sung cho nhau. Thực hiện tốt chức năng xã hội góp phần duy trì ổn định, tạo đồng thuận và củng cố cơ sở xã hội cho việc thực hiện quyền lực nhà nước.

2.1.1.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Thứ nhất, về bản chất: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và tổ chức, hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật.

Thứ hai, về tổ chức quyền lực: Quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, được tổ chức theo nguyên tắc thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp; bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật.

Thứ ba, về quan hệ với Nhân dân: Nhà nước phải bảo đảm quyền làm chủ, quyền con người, quyền công dân và các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, lấy hạnh phúc và sự hài lòng của Nhân dân làm mục tiêu.

Thứ tư, về mục tiêu xã hội: Hoạt động của Nhà nước hướng tới phát triển con người, nâng cao đời sống, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; trong đó chính sách xã hội và an sinh xã hội là một nội dung quan trọng.

Thứ năm, đối với chính sách an sinh xã hội: Nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong xây dựng pháp luật, hoạch định chính sách, tổ chức thực hiện, điều phối nguồn lực và bảo đảm người dân tiếp cận an sinh xã hội; đây là cơ sở lý luận để luận án phân tích vai trò của Nhà nước trong thực hiện chính sách an sinh xã hội.

2.1.2. An sinh xã hội và thực hiện chính sách an sinh xã hội

2.1.2.1. Quan niệm về an sinh xã hội

Luận án đề xuất khái niệm trong khuôn khổ nghiên cứu như sau : hiểu theo nghĩa chung nhất: *An sinh xã hội là hệ thống các chính sách, chương trình và biện pháp do Nhà nước và xã hội tổ chức nhằm bảo đảm đời sống cơ bản, phòng ngừa và khắc phục rủi ro cho người dân khi gặp khó khăn như ốm đau, thất nghiệp, già yếu hay thiên tai.*

2.1.2.2. Các trụ cột của hệ thống an sinh xã hội

Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay gồm bốn trụ cột cơ bản:

Thứ nhất, lao động và việc làm: bảo đảm tạo việc làm bền vững, nâng cao chất lượng lao động, mở rộng cơ hội việc làm cho người dân. Đây là nền tảng căn bản nhất của an sinh xã hội.

Thứ hai, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: đây là cơ chế phòng ngừa rủi ro hữu hiệu. Bảo hiểm xã hội bảo vệ người lao động trước những biến cố như ốm đau, thai sản, thất nghiệp, tai nạn lao động, hưu trí... Bảo hiểm y tế bảo đảm người dân được tiếp cận dịch vụ y tế khi có bệnh tật mà không rơi vào cảnh nghèo đói do chi phí y tế cao.

Thứ ba, trợ giúp xã hội và bảo trợ xã hội: chính sách này nhằm Hỗ trợ nhóm dân cư dễ bị tổn thương (người nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em mồ côi, nạn nhân thiên tai, dịch bệnh...). Đây là bộ phận thể hiện tính nhân đạo, công bằng, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau.

Thứ tư, bảo đảm dịch vụ xã hội cơ bản: bao gồm hệ thống dịch vụ y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin… nhằm bảo đảm quyền tiếp cận các dịch vụ thiết yếu, nâng cao chất lượng sống và năng lực phát triển của người dân.

2.1.2.3. Chính sách an sinh xã hội

Trong phạm vi nghiên cứu của luận án có thể hiểu: *Chính sách an sinh xã hội là hệ thống các quan điểm, mục tiêu, quy định pháp luật và giải pháp do Nhà nước ban hành nhằm phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục các rủi ro xã hội, bảo đảm quyền an sinh của người dân, thực hiện công bằng xã hội và tạo điều kiện cho phát triển con người bền vững.*

Đặc trưng của chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam

Tính nhân văn và giai cấp: Lấy con người làm trung tâm, bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, thể hiện bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước giữ vai trò chủ đạo: Nhà nước hoạch định - tổ chức thực hiện - kiểm tra, giám sát, đồng thời huy động sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng và các tổ chức xã hội.

Hướng tới công bằng xã hội: Giảm bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, bảo đảm quyền lợi và cơ hội tiếp cận an sinh cho các nhóm yếu thế.

Toàn diện và đa tầng: Bao phủ nhiều lĩnh vực như bảo hiểm, trợ giúp xã hội và dịch vụ xã hội cơ bản, hình thành nhiều tầng bảo vệ từ phòng ngừa rủi ro đến hỗ trợ khi gặp khó khăn.

Gắn với phát triển bền vững: Kết hợp bảo đảm an sinh - thúc đẩy tăng trưởng - thực hiện công bằng xã hội, tạo cơ hội để người dân tham gia phát triển và nâng cao chất lượng cuộc sống.

2.1.2.4. Thực hiện chính sách an sinh xã hội

Thực hiện chính sách an sinh xã hội được hiểu là quá trình Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức triển khai các chính sách an sinh xã hội thông qua các hoạt động xây dựng và hoàn thiện thể chế, tổ chức bộ máy, huy động và phân bổ nguồn lực, điều phối các chủ thể tham gia, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện nhằm bảo đảm quyền an sinh xã hội của người dân, góp phần thực hiện công bằng xã hội và phát triển bền vững.

2.1.3. Cơ sở xác lập vai trò của Nhà nước Việt Nam trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội

2.1.3.1. Đặc điểm vai trò của Nhà nước Việt Nam trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội

Vai trò của Nhà nước trong thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay là quá trình Nhà nước chỉ đạo và điều phối việc xây dựng, ban hành và triển khai hệ thống chính sách an sinh xã hội, nhằm bảo đảm đời sống cơ bản, bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế. Đồng thời, Nhà nước tổ chức quản lý, phân bổ nguồn lực, giám sát và điều chỉnh chính sách để vừa đáp ứng nhu cầu trước mắt, vừa gắn với mục tiêu phát triển bền vững.

Khái niệm này nhấn mạnh ba nội dung cơ bản:

Một là, vai trò của Nhà nước bắt nguồn từ bản chất và chức năng của Nhà nước Việt Nam;

Hai là, Nhà nước là chủ thể giữ vai trò chủ đạo trong toàn bộ quá trình thực hiện chính sách an sinh xã hội;

Ba là, mục tiêu cuối cùng của việc thực hiện vai trò đó là bảo đảm quyền an sinh xã hội, thực hiện công bằng xã hội và phát triển con người, phát triển bền vững.

2.1.3.2. Tính tất yếu khách quan của vai trò Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam

Thứ nhất, từ bản chất và chức năng của Nhà nước pháp quyền XHCN: Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm an sinh, bảo vệ lợi ích của nhân dân, điều tiết xã hội và thúc đẩy ổn định, phát triển bền vững.

Thứ hai, từ yêu cầu bảo đảm quyền con người, quyền công dân: An sinh xã hội là quyền cơ bản được Hiến pháp ghi nhận, do đó Nhà nước có trách nhiệm hiến định trong việc bảo đảm và hiện thực hóa quyền an sinh của người dân.

Thứ ba, từ yêu cầu khắc phục hạn chế của kinh tế thị trường: Nhà nước cần điều tiết, phân bổ và tái phân phối nguồn lực, khắc phục bất bình đẳng, hỗ trợ nhóm yếu thế và kết hợp tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội.

Thứ tư, từ yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế: Già hóa dân số, biến đổi khí hậu, chuyển đổi số và các rủi ro mới đòi hỏi Nhà nước chủ động hoàn thiện, nâng cao hiệu quả chính sách an sinh phù hợp với các cam kết và chuẩn mực quốc tế.

Vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội là khách quan, tất yếu, xuất phát từ bản chất, chức năng của Nhà nước, yêu cầu bảo đảm quyền con người, công bằng xã hội và phát triển bền vững.

2.2. Nội dung vai trò của Nhà nước Việt Nam trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội

2.2.1. Nhà nước thể chế hóa quan điểm của Đảng thành pháp luật, chiến lược và kế hoạch thực hiện chính sách an sinh xã hội

Thứ nhất, Nhà nước cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật, chiến lược, chương trình và kế hoạch, bảo đảm thống nhất giữa định hướng chính trị và quản lý nhà nước.

Thứ hai, Nhà nước xây dựng và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về an sinh xã hội, xác lập quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể, bảo đảm quyền an sinh của công dân.

Thứ ba, Nhà nước cụ thể hóa chính sách thông qua chiến lược, chương trình mục tiêu và kế hoạch, xác định mục tiêu, lộ trình, chỉ tiêu, nguồn lực và cơ chế tổ chức thực hiện.

Thứ tư, Hệ thống pháp luật và chính sách an sinh xã hội từng bước được hoàn thiện theo các định hướng của Đảng, hướng tới mở rộng bao phủ, bảo đảm tính bền vững, toàn diện và tiến tới bao phủ toàn dân.

Thể chế hóa quan điểm của Đảng thành pháp luật, chiến lược và kế hoạch là nội dung nền tảng, tiền đề để Nhà nước tổ chức thực hiện, huy động nguồn lực, kiểm tra, giám sát và bảo đảm an sinh xã hội.

2.2.2. Nhà nước tổ chức triển khai thực hiện chính sách an sinh xã hội

Thứ nhất, Nhà nước thiết lập và vận hành bộ máy tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội thống nhất từ trung ương đến địa phương.

Thứ hai, Nhà nước phân công nhiệm vụ và điều phối hoạt động giữa các ngành, các cấp trong quá trình thực hiện chính sách an sinh xã hội.

Thứ ba, Nhà nước ban hành các văn bản hướng dẫn và tổ chức thực hiện thống nhất chính sách an sinh xã hội.

Thứ tư, Nhà nước tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách và tạo sự đồng thuận xã hội trong thực hiện an sinh xã hội.

2.2.3. Nhà nước huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực thực hiện chính sách an sinh xã hội

Một là, Nhà nước huy động các nguồn lực để thực hiện chính sách an sinh xã hội

Hai là, Nhà nước phân bổ nguồn lực nhằm bảo đảm công bằng xã hội và phát triển bao trùm

Ba là, Nhà nước tổ chức sử dụng các nguồn lực để hiện thực hóa các mục tiêu của chính sách an sinh xã hội

Bốn là, Nhà nước bảo đảm sử dụng các nguồn lực công khai, minh bạch và hiệu quả

2.2.4. Nhà nước kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện chính sách an sinh xã hội

Thứ nhất, Nhà nước tổ chức kiểm tra, thanh tra và giám sát việc thực hiện chính sách an sinh xã hội nhằm bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và quyền lợi của người dân.

Thứ hai, Nhà nước đánh giá kết quả và tác động của việc thực hiện chính sách an sinh xã hội làm cơ sở cho việc hoàn thiện quản lý nhà nước.

Thứ ba, Nhà nước điều chỉnh và hoàn thiện chính sách an sinh xã hội trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát và đánh giá.

Thứ tư, Nhà nước tổng kết thực tiễn và đổi mới phương thức thực hiện chính sách an sinh xã hội.

2.3. Một số yếu tố tác động tới vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam

2.3.1. Các yếu tố khách quan tác động đến vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam

Thứ nhất, hội nhập quốc tế và các chuẩn mực an sinh xã hội quốc tế: Hội nhập sâu rộng đặt yêu cầu Nhà nước hoàn thiện pháp luật, chính sách an sinh phù hợp với các cam kết và chuẩn mực quốc tế; đồng thời mở rộng bảo vệ các nhóm lao động và đối tượng mới.

Thứ hai, biến động kinh tế thế giới và các rủi ro an ninh phi truyền thống: Khủng hoảng kinh tế, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, thiên tai, xung đột, an ninh năng lượng và lương thực làm gia tăng rủi ro xã hội, đòi hỏi Nhà nước nâng cao năng lực dự báo, huy động nguồn lực và ứng phó linh hoạt.

Thứ ba, chuyển đổi số, AI và kinh tế số: Sự xuất hiện của lao động nền tảng, việc làm linh hoạt và tác động của AI tạo ra những khoảng trống an sinh mới; đồng thời mở ra cơ hội số hóa quản lý, dữ liệu và cung ứng dịch vụ an sinh xã hội.

Thứ tư, biến đổi thị trường lao động và nhân khẩu học: Già hóa dân số, mức sinh giảm, di cư lao động và gia tăng lao động phi chính thức làm thay đổi nhu cầu an sinh, đòi hỏi Nhà nước mở rộng độ bao phủ, phát triển chăm sóc dài hạn và hệ thống an sinh đa tầng.

Thứ năm, xu hướng phát triển an sinh xã hội trên thế giới: An sinh xã hội chuyển từ cứu trợ sang phòng ngừa rủi ro, từ bảo đảm mức sống tối thiểu sang phát triển con người, từ ứng phó bị động sang tăng cường khả năng thích ứng và từ quản lý truyền thống sang an sinh xã hội số.

Thứ sáu, điều kiện kinh tế - xã hội và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa: Trình độ phát triển kinh tế, nguồn lực quốc gia, kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa và quá trình cải cách thể chế, hành chính, chuyển đổi số quyết định phạm vi, phương thức và hiệu quả thực hiện vai trò của Nhà nước trong an sinh xã hội.

2.3.2. Các yếu tố chủ quan tác động đến vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam

Bên cạnh các yếu tố khách quan của bối cảnh phát triển, vai trò của Nhà nước trong thực hiện chính sách an sinh xã hội còn chịu tác động trực tiếp từ các yếu tố chủ quan.

Thứ nhất, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam: Đảng định hướng quan điểm, mục tiêu về an sinh xã hội; Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, chiến lược và chính sách. Chất lượng lãnh đạo quyết định tính thống nhất, ổn định và định hướng phát triển của hệ thống an sinh xã hội.

Thứ hai, năng lực thể chế hóa và tổ chức thực hiện của Nhà nước: Năng lực xây dựng pháp luật đồng bộ, minh bạch, khả thi và tổ chức thực hiện hiệu quả quyết định trực tiếp hiệu lực chính sách. Đồng thời, đòi hỏi nâng cao năng lực điều phối, cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ số.

Thứ ba, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và bộ máy thực hiện: Đội ngũ cán bộ có chuyên môn, đạo đức công vụ và năng lực quản trị là điều kiện quan trọng để đưa chính sách vào thực tiễn. Bộ máy tinh gọn, phân công rõ và phối hợp hiệu quả giúp nâng cao chất lượng thực thi.

Thứ tư, sự tham gia, phối hợp và đồng thuận của các chủ thể xã hội: Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và người dân cùng tham gia tuyên truyền, giám sát, thực hiện và thụ hưởng chính sách. Sự phối hợp và đồng thuận xã hội tạo sức mạnh tổng hợp, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện an sinh xã hội.

Tiểu kết chương 2

Cơ sở lý luận của luận án xác định Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong thực hiện chính sách an sinh xã hội, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu tiến bộ, công bằng xã hội. Vai trò đó được thể hiện trên bốn phương diện: thể chế hóa chính sách; tổ chức thực hiện; huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực; kiểm tra, giám sát, đánh giá và hoàn thiện chính sách. Việc thực hiện vai trò của Nhà nước chịu tác động của nhiều yếu tố như điều kiện kinh tế - xã hội, thể chế, nguồn lực, năng lực tổ chức và sự tham gia của các chủ thể xã hội. Đây là cơ sở để luận án đánh giá thực trạng, kết quả, hạn chế và những vấn đề đặt ra đối với vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3
VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Thực trạng vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay

3.1.1. Nhà nước thể chế hóa quan điểm của Đảng thành pháp luật, chiến lược và kế hoạch thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay

3.1.1.1. Thành tựu

Một là, Nhà nước hoàn thiện hệ thống pháp luật về an sinh xã hội. Các quan điểm của Đảng được thể chế hóa đồng bộ từ nghị quyết, chỉ thị đến luật, pháp lệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành, tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc bảo đảm quyền an sinh xã hội. Hệ thống pháp luật ngày càng bao quát các lĩnh vực lao động, việc làm, bảo hiểm, giảm nghèo, trợ giúp xã hội, giáo dục, y tế, nhà ở và các dịch vụ xã hội cơ bản.

Hai là, Nhà nước ban hành hệ thống chiến lược, chương trình và kế hoạch thực hiện chính sách an sinh xã hội. Các chính sách được triển khai theo hướng dài hạn, gắn giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, phát triển nguồn nhân lực, bảo hiểm xã hội - y tế, trợ giúp xã hội và phát triển dịch vụ công với mục tiêu phát triển con người, thích ứng với già hóa dân số, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

Ba là, xây dựng hệ thống thể chế tương đối đồng bộ đối với các trụ cột an sinh xã hội. Thể chế về lao động - việc làm, bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế, trợ giúp và bảo trợ xã hội, cùng các dịch vụ xã hội cơ bản ngày càng được hoàn thiện, góp phần mở rộng bao phủ, bảo vệ nhóm yếu thế, bảo đảm tiếp cận bình đẳng các dịch vụ thiết yếu và thực hiện mục tiêu "không để ai bị bỏ lại phía sau". Qua đó, Nhà nước ngày càng phát huy rõ vai trò định hướng, điều tiết và bảo đảm quyền an sinh xã hội gắn với tiến bộ, công bằng và phát triển bền vững.

3.1.1.2. Hạn chế

Một là, Hệ thống pháp luật về an sinh xã hội chưa thật sự đồng bộ và theo kịp yêu cầu phát triển. Một số chủ trương của Đảng còn có độ trễ trong quá trình thể chế hóa; hệ thống văn bản còn phân tán, chồng chéo, thiếu thống nhất và phải sửa đổi nhiều lần, gây khó khăn cho việc áp dụng và làm giảm tính ổn định của pháp luật.

Hai là, Chiến lược, chương trình và kế hoạch thực hiện chính sách an sinh xã hội còn thiếu tính liên kết và tính dự báo. Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp chưa đồng bộ; một số chương trình còn giao thoa về mục tiêu, đối tượng và nguồn lực. Công tác dự báo chưa theo kịp những biến đổi mới như già hóa dân số, chuyển đổi số, AI, lao động nền tảng, biến đổi khí hậu và các rủi ro mới.

Ba là, Thể chế đối với các trụ cột an sinh xã hội vẫn còn thiếu tính đồng bộ và bao quát. Mức độ phát triển giữa bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội và dịch vụ xã hội cơ bản còn chênh lệch; khu vực lao động phi chính thức có mức tham gia bảo hiểm xã hội thấp, dịch vụ trợ giúp mang tính phòng ngừa và phát triển con người còn hạn chế. Khả

năng tiếp cận chính sách cũng chưa đồng đều giữa các địa phương, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa và vùng dân tộc thiểu số.

3.1.2. Nhà nước tổ chức triển khai thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay

3.1.2.1. Thành tựu

Một là, Nhà nước từng bước kiện toàn bộ máy và cơ chế tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội. Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan được xác định rõ hơn; cơ chế phối hợp giữa Trung ương và địa phương, giữa các bộ, ngành từng bước được hoàn thiện; đồng thời tăng cường phân cấp, phân quyền, tạo sự thống nhất và liên thông trong tổ chức thực hiện chính sách.

Hai là, Nhà nước từng bước tổ chức triển khai đồng bộ các chính sách an sinh xã hội. Các chính sách về việc làm, bảo hiểm xã hội - bảo hiểm y tế, giảm nghèo - trợ giúp xã hội và dịch vụ xã hội cơ bản được triển khai rộng khắp, góp phần mở rộng diện bao phủ, giảm nghèo, bảo đảm việc làm và nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch của người dân. Qua đó, hệ thống an sinh xã hội từng bước hướng tới bao phủ rộng hơn, phát triển bao trùm và "không để ai bị bỏ lại phía sau".

Ba là, Nhà nước đổi mới phương thức tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội. Việc kết nối cơ sở dữ liệu dân cư, bảo hiểm, lao động, việc làm và trợ giúp xã hội; sử dụng định danh điện tử, VNeID, VssID và dịch vụ công trực tuyến giúp giảm thủ tục, tăng tính minh bạch, hạn chế bỏ sót đối tượng và nâng cao khả năng tiếp cận chính sách. Qua đó, phương thức thực hiện vai trò của Nhà nước chuyển dần từ quản lý hành chính truyền thống sang quản trị dựa trên dữ liệu, lấy người dân làm trung tâm.

3.1.2.2. Hạn chế

Thứ nhất, bộ máy và cơ chế tổ chức thực hiện chưa thật sự đồng bộ. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương còn hạn chế, vẫn có tình trạng chồng chéo chức năng, thiếu liên thông thông tin; năng lực tổ chức thực hiện không đồng đều, nhất là ở vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ hai, việc triển khai chính sách giữa các lĩnh vực và địa bàn còn chưa đồng đều, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn. Kết nối cung - cầu lao động còn hạn chế; giảm nghèo chưa thật sự bền vững và chênh lệch vùng miền còn lớn; diện bao phủ và tính hấp dẫn của bảo hiểm xã hội còn hạn chế; mức trợ giúp xã hội thấp, chất lượng giáo dục, y tế, nhà ở và nước sạch giữa các vùng còn chênh lệch.

Thứ ba, phương thức tổ chức thực hiện còn chậm đổi mới. Kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan chưa đầy đủ; ứng dụng VNeID, VssID, dịch vụ công trực tuyến và chi trả không dùng tiền mặt chưa đồng đều, đặc biệt ở vùng khó khăn. Thủ tục hành chính, giải ngân và xác định đối tượng thụ hưởng ở một số chương trình còn bất cập, cho thấy quản trị số trong lĩnh vực an sinh xã hội chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu hiện đại.

3.1.3. Nhà nước huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay

3.1.3.1. Thành tựu

Thứ nhất, Nhà nước đã huy động ngày càng nhiều nguồn lực cho an sinh xã hội, trong đó ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Nguồn lực cho an sinh xã hội được duy

trì ở mức cao, đồng thời các quỹ bảo hiểm và nguồn lực trợ giúp xã hội tiếp tục được củng cố, tạo nền tảng tài chính cho việc mở rộng diện bao phủ chính sách.

Thứ hai, Nhà nước từng bước đổi mới phân bổ nguồn lực theo hướng công bằng, ưu tiên nhóm yếu thế và địa bàn khó khăn. Nguồn lực tập trung vào giảm nghèo, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các dịch vụ xã hội cơ bản và tín dụng chính sách, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển và nâng cao khả năng tiếp cận an sinh của người dân.

Thứ ba, Nhà nước từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực thông qua đầu tư cho giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và trợ giúp xã hội, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, chi trả và xác định đối tượng thụ hưởng. Qua đó, góp phần giảm chi phí quản lý, tăng tính minh bạch và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội.

3.1.3.2. Hạn chế

Thứ nhất, khả năng huy động nguồn lực cho an sinh xã hội chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển. Nhu cầu nguồn lực ngày càng tăng do già hóa dân số, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và biến động thị trường lao động, trong khi tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội còn thấp và nguồn lực xã hội hóa cho các dịch vụ an sinh chưa tương xứng với tiềm năng.

Thứ hai, việc phân bổ nguồn lực còn chưa hợp lý, có nơi còn dàn trải và chồng chéo. Mặc dù đã ưu tiên vùng khó khăn và nhóm yếu thế, khoảng cách phát triển giữa các vùng vẫn lớn; một số chương trình còn giao thoa về đối tượng và nội dung, trong khi các nhu cầu mới như chăm sóc người cao tuổi, an sinh cho lao động phi chính thức và ứng phó biến đổi khí hậu chưa được đầu tư tương xứng.

Thứ ba, hiệu quả sử dụng nguồn lực chưa tương xứng với nguồn lực đã huy động. Tình trạng giải ngân chậm, đầu tư phân tán, kết nối dữ liệu chưa đồng bộ và xác định đối tượng thụ hưởng chưa chính xác vẫn xảy ra ở một số địa phương; việc chi trả không dùng tiền mặt và chuyển đổi số cũng chưa đồng đều, nhất là tại vùng sâu, vùng xa.

3.1.4. Nhà nước kiểm tra, giám sát, đánh giá và hoàn thiện việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay

3.1.3.1. Thành tựu

Thứ nhất, Nhà nước tăng cường kiểm tra, thanh tra và giám sát việc thực hiện chính sách an sinh xã hội trên các lĩnh vực lao động, việc làm, giảm nghèo, bảo hiểm xã hội và trợ giúp xã hội. Qua đó, kịp thời phát hiện, xử lý sai phạm, xác định đúng đối tượng thụ hưởng và nâng cao tính công khai, minh bạch trong thực hiện chính sách.

Thứ hai, công tác đánh giá kết quả thực hiện chính sách ngày càng được chú trọng, dựa trên hệ thống chỉ tiêu và dữ liệu về giảm nghèo, giáo dục, y tế, bảo hiểm và trợ giúp xã hội. Kết quả kiểm tra, đánh giá trở thành cơ sở để Nhà nước điều chỉnh, bổ sung chính sách phù hợp với những biến đổi của đời sống kinh tế - xã hội và nhu cầu an sinh của người dân.

Thứ ba, Nhà nước từng bước đổi mới hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá trên nền tảng chuyển đổi số. Việc kết nối cơ sở dữ liệu dân cư, bảo hiểm, y tế, lao động và an sinh xã hội, cùng với ứng dụng VNeID, VssID và mã định danh cá nhân, góp phần nâng

cao độ chính xác, hạn chế trùng lặp, trục lợi và hướng tới quản lý, cảnh báo rủi ro dựa trên dữ liệu.

3.1.3.2. Hạn chế

Những hạn chế này tập trung trên các phương diện sau:

Thứ nhất, công tác kiểm tra, thanh tra và giám sát việc thực hiện chính sách an sinh xã hội chưa thật sự đồng bộ và thống nhất.

Thứ hai, chất lượng đánh giá việc thực hiện chính sách an sinh xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

Thứ ba, việc điều chỉnh và hoàn thiện chính sách trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát và đánh giá còn chậm so với yêu cầu thực tiễn.

Thứ tư, việc đổi mới phương thức kiểm tra, giám sát và đánh giá theo hướng ứng dụng khoa học, công nghệ còn chậm và chưa đồng bộ.

3.1.5. Nguyên nhân của thành tựu và hạn chế trong thực hiện vai trò của Nhà nước đối với chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay

3.1.5.1. Nguyên nhân của những thành tựu

Những kết quả đạt được trong việc thực hiện vai trò của Nhà nước đối với chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam thời gian qua là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố cả về chính trị, kinh tế, pháp lý và tổ chức thực hiện.

Trước hết, sự lãnh đạo đúng đắn, nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam là nguyên nhân có ý nghĩa quyết định.

Thứ hai, quá trình hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống pháp luật về an sinh xã hội đã tạo nền tảng thể chế cho việc thực hiện vai trò của Nhà nước.

Thứ ba, sự phát triển của nền kinh tế và khả năng huy động nguồn lực quốc gia là điều kiện vật chất quan trọng bảo đảm thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Thứ tư, năng lực tổ chức thực hiện của bộ máy nhà nước từng bước được nâng lên.

Thứ năm, sự tham gia ngày càng tích cực của các chủ thể xã hội cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng tạo nên kết quả thực hiện chính sách.

3.1.5.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện vai trò của Nhà nước trong thực hiện chính sách an sinh xã hội vẫn còn những hạn chế nhất định. Những hạn chế này xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan.

Trước hết, quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam vẫn chưa tạo được nguồn lực đủ mạnh để đáp ứng yêu cầu mở rộng hệ thống an sinh xã hội theo hướng toàn diện và bền vững.

Thứ hai, hệ thống thể chế và cơ chế phối hợp trong thực hiện chính sách an sinh xã hội vẫn còn những bất cập.

Thứ ba, năng lực tổ chức thực hiện của bộ máy nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới.

Thứ tư, quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực an sinh xã hội chưa thực sự đồng bộ.

Thứ năm, sự tham gia của các chủ thể xã hội trong thực hiện chính sách an sinh xã hội chưa tương xứng với yêu cầu phát triển.

3.2. Một số vấn đề đặt ra từ thực trạng vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực kiến tạo, điều tiết của Nhà nước

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, chiến lược và chính sách an sinh xã hội theo hướng đồng bộ, thống nhất, có tính dự báo và khả năng thích ứng trước những biến đổi mới. Đồng thời, nâng cao năng lực kiến tạo, điều tiết và phối hợp của Nhà nước, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và quyền an sinh của người dân.

3.2.2. Yêu cầu nâng cao năng lực tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội theo hướng đồng bộ, hiệu quả và hiện đại

Tiếp tục kiện toàn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, tăng cường phối hợp liên ngành và phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát. Đồng thời, đổi mới phương thức tổ chức thực hiện trên nền tảng dữ liệu và công nghệ số, lấy người dân làm trung tâm, bảo đảm chính sách được triển khai thống nhất, kịp thời và hiệu quả.

3.2.3. Yêu cầu bảo đảm nguồn lực thực hiện chính sách an sinh xã hội theo hướng bền vững, công bằng và hiệu quả

Đa dạng hóa nguồn lực, kết hợp nguồn lực nhà nước với nguồn lực xã hội, đồng thời đổi mới phân bổ theo nhu cầu thực tế, ưu tiên nhóm yếu thế và địa bàn khó khăn. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn lực, tăng cường ứng dụng công nghệ số nhằm bảo đảm tính bền vững tài chính và hiệu quả của hệ thống an sinh xã hội.

3.2.4. Yêu cầu đổi mới hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá và hoàn thiện chính sách trên cơ sở quản trị hiện đại

Chuyển từ kiểm tra, giám sát chủ yếu dựa trên tuân thủ sang quản trị dựa trên dữ liệu, bằng chứng và đánh giá tác động chính sách. Tăng cường kết nối dữ liệu, ứng dụng công nghệ số, AI và xây dựng cơ chế phản hồi thường xuyên để kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện chính sách an sinh xã hội.

Tiểu kết chương 3

Thực tiễn thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam từ năm 2012 đến nay cho thấy vai trò của Nhà nước ngày càng được khẳng định thông qua việc hoàn thiện chính sách, mở rộng phạm vi bao phủ, huy động nguồn lực và đổi mới phương thức tổ chức thực hiện, qua đó góp phần bảo đảm quyền lợi của người dân và thúc đẩy tiến bộ, công bằng xã hội. Tuy nhiên, giữa mục tiêu chính sách và kết quả thực tế vẫn còn khoảng cách do những hạn chế về thể chế, nguồn lực, năng lực tổ chức thực hiện, phối hợp, kiểm tra và giám sát, đồng thời chịu tác động của những biến đổi kinh tế – xã hội và các rủi ro mới. Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu Nhà nước không chỉ tiếp tục hoàn thiện chính sách mà còn nâng cao năng lực hiện thực hóa các mục tiêu an sinh xã hội, bảo đảm công bằng trong tiếp cận cơ hội và dịch vụ xã hội, đồng thời tăng cường phối hợp với thị trường, gia đình,

cộng đồng và các chủ thể xã hội. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm tiếp tục phát huy vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Chương 4
GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI Ở VIỆT NAM THỜI GIAN TỚI

4.1. Nhóm giải pháp phát huy vai trò của Nhà nước trong việc hoàn thiện thể chế thực hiện chính sách an sinh xã hội

4.1.1. Nâng cao năng lực thể chế hóa chủ trương của Đảng về an sinh xã hội

- Hoàn thiện thể chế, pháp luật về an sinh xã hội theo hướng đồng bộ, thống nhất, minh bạch, khả thi; bảo đảm thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng và phù hợp với thực tiễn phát triển.

- Đổi mới tư duy thể chế theo hướng chủ động, dự báo và kiến tạo, kịp thời thích ứng với già hóa dân số, lao động phi chính thức, kinh tế nền tảng, AI, biến đổi khí hậu và các nhóm đối tượng an sinh mới.

- Nâng cao năng lực của các chủ thể Nhà nước trong lập pháp, cụ thể hóa chính sách, tham mưu, điều phối và tổ chức thực hiện; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đào tạo cán bộ và ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý an sinh xã hội.

- Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, toàn diện, bao trùm và bền vững, lấy quyền an sinh của người dân làm trung tâm; mở rộng bao phủ, ưu tiên nhóm yếu thế, đa dạng hóa nguồn lực và tăng cường kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội.

4.1.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về chính sách an sinh xã hội theo hướng đồng bộ, thống nhất và thích ứng

- Hoàn thiện pháp luật theo hướng đồng bộ, thống nhất: Rà soát, sửa đổi các quy định về lao động, việc làm, giảm nghèo, bảo hiểm và trợ giúp xã hội, khắc phục chồng chéo, khoảng trống pháp lý và bảo đảm tính thống nhất giữa các lĩnh vực.

- Tăng cường liên kết giữa các trụ cột và dịch vụ xã hội cơ bản: Gắn kết chính sách việc làm với bảo hiểm thất nghiệp, giảm nghèo với đào tạo nghề và tạo việc làm; đồng thời liên thông các chính sách giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin và trợ giúp xã hội.

- Nâng cao tính thích ứng và dự báo của hệ thống pháp luật: Chủ động hoàn thiện pháp luật trước những biến đổi như già hóa dân số, chuyển đổi số, kinh tế nền tảng, AI, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và các hình thức việc làm phi truyền thống; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và kết nối dữ liệu.

- Lấy người dân làm trung tâm, bảo đảm quyền an sinh và tính bao trùm: Bảo đảm mọi công dân được tiếp cận bình đẳng các chính sách, đồng thời ưu tiên nhóm yếu thế và địa bàn khó khăn; tăng cường trách nhiệm của Nhà nước, xã hội, doanh nghiệp và giám sát thực thi để xây dựng hệ thống an sinh hiện đại, bao trùm, bền vững.

4.1.3. Đổi mới quy trình hoạch định chính sách an sinh xã hội trên cơ sở bằng chứng khoa học và dự báo

- Hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng và dự báo: Đổi mới quy trình xây dựng chính sách từ xử lý bị động sang chủ động, dựa trên dữ liệu thực tiễn, nghiên cứu khoa học, đánh giá tác động và dự báo nhu cầu, rủi ro xã hội.

- Xây dựng và kết nối hệ thống dữ liệu phục vụ hoạch định: Hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia liên thông về dân cư, lao động, y tế, giáo dục, bảo hiểm và an sinh xã hội; tăng cường phân tích dữ liệu lớn, mô hình dự báo để nâng cao chất lượng tham mưu và quyết định chính sách.

- Mở rộng sự tham gia và phản biện xã hội: Tăng cường tham vấn chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và người dân, nhất là các nhóm chịu tác động trực tiếp; bảo đảm quá trình xây dựng chính sách công khai, minh bạch và có cơ chế đánh giá trước và sau khi ban hành.

- Gắn hoạch định an sinh với quản trị phát triển và khả năng thích ứng: Đặt chính sách an sinh trong mối liên hệ với tăng trưởng kinh tế, thị trường lao động, dân số và phát triển nguồn nhân lực; chủ động dự báo rủi ro, điều chỉnh chuẩn trợ giúp và phân bổ nguồn lực kịp thời, nâng cao vai trò kiến tạo của Nhà nước.

4.1.4. Nâng cao năng lực dự báo chiến lược và khả năng thích ứng chính sách an sinh xã hội trước các biến đổi kinh tế - xã hội

- Xây dựng hệ thống dự báo chiến lược về an sinh xã hội: Hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia liên thông và bộ chỉ tiêu cảnh báo sớm về dân số, việc làm, thu nhập, nghèo đói và độ bao phủ an sinh xã hội.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ trong dự báo: Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các mô hình dự báo để nhận diện sớm các biến đổi như già hóa dân số, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và thay đổi thị trường lao động.

- Chuyển từ phản ứng sang chủ động thích ứng: Sử dụng kết quả dự báo làm căn cứ xây dựng, điều chỉnh chính sách và phân bổ nguồn lực; thường xuyên cập nhật các kịch bản, thiết lập cơ chế cảnh báo và phương án ứng phó linh hoạt trước các rủi ro.

- Tăng cường phối hợp và năng lực dự báo: Phát huy sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức quốc tế và doanh nghiệp công nghệ; qua đó nâng cao năng lực quản trị phát triển và khả năng thích ứng của hệ thống an sinh xã hội.

4.2. Nhóm giải pháp phát huy vai trò của Nhà nước trong tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội

4.2.1. Kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao năng lực đội ngũ thực hiện chính sách an sinh xã hội

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về an sinh xã hội theo hướng tinh gọn, thống nhất, chuyên nghiệp, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm giữa các cấp, các ngành; tăng cường phối hợp liên ngành, phân cấp gắn với kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình.

- Đẩy mạnh hiện đại hóa quản lý và tổ chức thực hiện chính sách, nhất là thông qua chuyển đổi số, xây dựng và liên thông cơ sở dữ liệu an sinh xã hội, số hóa quy trình quản

lý, ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao tính công khai, minh bạch, chính xác và thuận lợi trong cung ứng chính sách.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thực hiện chính sách thông qua đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về an sinh xã hội, năng lực quản trị, phân tích và dự báo chính sách, phối hợp liên ngành và kỹ năng số; đồng thời xây dựng cơ chế học tập, cập nhật kiến thức thường xuyên.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ có đạo đức công vụ và tinh thần phục vụ nhân dân, bảo đảm chính sách được thực hiện đúng đối tượng, công khai, minh bạch và hiệu quả. Qua đó nâng cao năng lực thực thi của Nhà nước, bảo đảm các nguồn lực an sinh xã hội được sử dụng đúng mục tiêu và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

4.2.2. Đổi mới phương thức tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội theo hướng số hóa, liên thông và lấy người dân làm trung tâm

- Xây dựng phương thức quản trị an sinh xã hội số, tập trung hoàn thiện hạ tầng dữ liệu dùng chung và kết nối các cơ sở dữ liệu về dân cư, bảo hiểm, việc làm, trợ giúp xã hội, giáo dục, y tế và thuế; qua đó xác định chính xác đối tượng, giảm trùng lặp và nâng cao hiệu quả quản lý.

- Đơn giản hóa, liên thông quy trình và thủ tục hành chính, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và giảm các giấy tờ mà cơ quan nhà nước đã có dữ liệu. Đồng thời duy trì hỗ trợ trực tiếp cho các nhóm khó tiếp cận công nghệ, bảo đảm không ai bị bỏ lại phía sau.

- Chuyển từ quản lý hồ sơ sang quản lý theo vòng đời người dân, chủ động khai thác và cập nhật dữ liệu về việc làm, thu nhập, sức khỏe, hoàn cảnh gia đình để kịp thời xác định, điều chỉnh và cung cấp chính sách. Cách tiếp cận này giúp giảm gánh nặng thủ tục, hạn chế bỏ sót, trùng lặp hoặc chi trả sai đối tượng.

- Bảo đảm an toàn dữ liệu, trách nhiệm giải trình và lấy người dân làm trung tâm, xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo vệ thông tin cá nhân và tăng cường giám sát việc khai thác dữ liệu. Qua đó, chuyển đổi số không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý mà còn phát huy vai trò phục vụ, điều tiết và bảo đảm quyền an sinh xã hội của Nhà nước.

4.2.3. Phát huy vai trò của địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội và người dân trong thực hiện chính sách an sinh xã hội

- Tăng cường vai trò của chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với đặc điểm và nhu cầu từng địa bàn; đồng thời đẩy mạnh phối hợp liên ngành, đối thoại với người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội để kịp thời giải quyết khó khăn.

- Phát huy vai trò của doanh nghiệp thông qua thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về bảo hiểm và quyền lợi người lao động, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ xã hội, tạo việc làm, đào tạo và đào tạo lại lao động. Qua đó huy động thêm nguồn lực xã hội và tăng khả năng thích ứng của thị trường lao động.

- Tạo điều kiện để các tổ chức xã hội và cộng đồng tham gia giám sát, phản biện xã hội, tuyên truyền và hỗ trợ thực hiện chính sách, nhất là đối với các nhóm yếu thế. Sự tham gia này cung cấp thêm thông tin thực tiễn, giúp Nhà nước phát hiện bất cập và điều chỉnh chính sách phù hợp.

- Đề cao vai trò chủ thể của người dân và chuyển sang quản trị có sự tham gia, mở rộng các kênh phản ánh, kiến nghị và đánh giá mức độ hài lòng; nâng cao nhận thức về quyền và trách nhiệm trong thực hiện chính sách. Qua đó, Nhà nước chuyển từ trực tiếp thực hiện sang kiến tạo, điều phối và huy động nguồn lực xã hội, nâng cao tính bền vững của hệ thống an sinh xã hội.

4.3. Nhóm giải pháp phát huy vai trò của Nhà nước trong bảo đảm các điều kiện thực hiện chính sách an sinh xã hội

4.3.1. Hoàn thiện cơ chế huy động và phân bổ nguồn lực cho an sinh xã hội

- Hoàn thiện cơ chế huy động và phân bổ nguồn lực theo hướng đa dạng, hiệu quả, công bằng và bền vững, kết hợp nguồn lực nhà nước với nguồn lực xã hội, hợp tác công - tư, viện trợ, tài trợ và các nguồn lực hợp pháp khác; gắn mục tiêu phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội.

- Đổi mới phương thức phân bổ ngân sách dựa trên nhu cầu và kết quả thực hiện chính sách, ưu tiên vùng nghèo, vùng dân tộc thiểu số, địa bàn khó khăn, thường xuyên chịu thiên tai và các nhóm dễ bị tổn thương. Việc phân bổ cần dựa trên dữ liệu về mức sống, thu nhập, mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội và kết quả đầu ra, tránh dàn trải, bình quân.

- Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn lực, quỹ an sinh xã hội, bảo đảm công khai, minh bạch, an toàn và trách nhiệm giải trình; tăng cường dự báo dài hạn khả năng cân đối thu - chi của các quỹ bảo hiểm, đồng thời kiểm soát đầu tư trùng lặp và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

- Phát huy vai trò điều tiết và tái phân phối của Nhà nước, đặc biệt thông qua việc ưu tiên nguồn lực cho giảm nghèo bền vững, phát triển sinh kế, đào tạo nghề, tín dụng và hạ tầng thiết yếu. Qua đó, vừa nâng cao hiệu quả đầu tư xã hội, vừa tăng khả năng tự bảo đảm an sinh của người dân và bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội.

4.3.2. Đa dạng hóa nguồn lực và thúc đẩy hợp tác công - tư trong cung ứng dịch vụ an sinh xã hội

- Đa dạng hóa nguồn lực cho an sinh xã hội, giảm sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước bằng cách huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, khu vực tư nhân, tổ chức xã hội, cộng đồng và các đối tác quốc tế. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo thể chế, định hướng và điều phối các nguồn lực.

- Đẩy mạnh hợp tác công - tư (PPP) trong cung ứng dịch vụ an sinh xã hội, nhất là các lĩnh vực cần nguồn vốn lớn như y tế, giáo dục, nhà ở xã hội và cơ sở trợ giúp xã hội. Nhà nước tạo môi trường pháp lý, hỗ trợ và giám sát; doanh nghiệp phát huy nguồn lực tài chính, công nghệ và năng lực quản trị.

- Hoàn thiện cơ chế xã hội hóa và kiểm soát chất lượng dịch vụ, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn, cơ chế kiểm định, ưu đãi thuế, tín dụng, đất đai gắn với chất lượng và khả năng tiếp cận của nhóm thu nhập thấp. Qua đó bảo đảm xã hội hóa không làm gia tăng bất bình đẳng hoặc chạy theo lợi nhuận.

- Tăng cường phối hợp và huy động các chủ thể xã hội, quốc tế, tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức từ thiện, cộng đồng và đối tác quốc tế tham gia cung ứng, giám sát và hỗ trợ các nhóm yếu thế. Qua đó mở rộng phạm vi dịch vụ, giảm áp lực

ngân sách và nâng cao tính bền vững của hệ thống an sinh xã hội, đồng thời vẫn bảo đảm trách nhiệm điều tiết và bảo vệ quyền an sinh của Nhà nước.

4.3.3. Phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu và nguồn nhân lực phục vụ thực hiện chính sách an sinh xã hội

- Phát triển hạ tầng số và hệ thống dữ liệu an sinh xã hội: Nhà nước cần xây dựng hạ tầng số thống nhất, kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các dữ liệu về lao động, việc làm, bảo hiểm, y tế, giáo dục và trợ giúp xã hội; đồng thời bảo đảm khả năng chia sẻ, cập nhật, bảo mật và an toàn dữ liệu.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý và hoạch định chính sách: Đẩy mạnh sử dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và điện toán đám mây để phân tích xu hướng, dự báo nhu cầu, nhận diện nhóm có nguy cơ thiếu hụt an sinh, hỗ trợ hoạch định, tổ chức thực hiện và giám sát chính sách. Chuyển đổi số cần hướng tới nâng cao chất lượng quản trị, không chỉ đơn thuần tự động hóa thủ tục.

- Phát triển nguồn nhân lực và năng lực số: Đổi mới đào tạo cán bộ theo hướng nâng cao năng lực quản trị số, phân tích dữ liệu, đánh giá chính sách và phối hợp liên ngành; đồng thời nâng cao kỹ năng số cho người dân, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa và nhóm khó tiếp cận công nghệ.

4.3.4. Bảo đảm tính bền vững tài chính của hệ thống an sinh xã hội trong bối cảnh già hóa dân số và các rủi ro phi truyền thống

- Xây dựng chiến lược tài chính an sinh xã hội dài hạn: Nhà nước cần hoàn thiện pháp luật về tài chính công, ngân sách và các quỹ an sinh; xây dựng chiến lược tài chính đến năm 2045, dự báo nhu cầu chi và khả năng cân đối nguồn lực phù hợp với già hóa dân số, thị trường lao động và tăng trưởng kinh tế.

- Chuyển sang quản trị rủi ro tài chính dài hạn: Thiết lập cơ chế dự báo, cảnh báo sớm nguy cơ mất cân đối các quỹ an sinh; sử dụng kết quả dự báo dân số, việc làm, thu nhập và nhu cầu thụ hưởng để chủ động điều chỉnh chính sách, thay vì chỉ xử lý khi rủi ro xảy ra.

- Nâng cao hiệu quả và bảo đảm an toàn các quỹ an sinh: Đặc biệt đối với bảo hiểm y tế, cần kiểm soát chi phí, tăng cường giám định điện tử, kết nối dữ liệu, chống lạm dụng và điều chỉnh mức đóng, hỗ trợ, quyền lợi phù hợp với khả năng của người dân và nền kinh tế.

- Đa dạng hóa nguồn lực tài chính: Bên cạnh ngân sách nhà nước, cần huy động các nguồn lực xã hội thông qua trái phiếu xã hội, bảo hiểm vi mô, quỹ đầu tư xã hội, hợp tác công - tư và sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức tài chính, quỹ xã hội.

- Hiện đại hóa quản trị tài chính bằng dữ liệu và công nghệ: Xây dựng hệ thống dữ liệu thống nhất về thu - chi các quỹ, ứng dụng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để dự báo dòng tiền, phát hiện nguy cơ mất cân đối, gian lận và trục lợi chính sách.

4.4. Nhóm giải pháp phát huy vai trò của Nhà nước trong kiểm tra, giám sát và hoàn thiện chính sách an sinh xã hội

4.4.1. Hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách an sinh xã hội

- Hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát: Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát thống nhất, xuyên suốt toàn bộ quá trình thực hiện chính sách; xác định rõ trách nhiệm và tăng cường trách nhiệm giải trình.

- Đổi mới phương thức thanh tra, kiểm tra: Chuyển sang quản trị rủi ro, kết hợp thanh tra định kỳ, chuyên đề và đột xuất; ứng dụng dữ liệu số và giám sát trực tuyến để phát hiện sớm sai phạm, trục lợi chính sách.

- Tăng cường giám sát ở địa phương: Nâng cao năng lực tự kiểm tra, trách nhiệm giải trình; chú trọng đánh giá không chỉ việc tuân thủ quy trình mà cả mức độ hoàn thành mục tiêu và khả năng tiếp cận chính sách của người dân.

- Chuyển từ kiểm tra đầu vào sang đánh giá kết quả: Đánh giá hiệu quả chính sách dựa trên kết quả và tác động thực tế, chẳng hạn mức độ giảm nghèo bền vững, tiếp cận dịch vụ xã hội và nguy cơ tái nghèo.

- Tạo cơ chế phản hồi và điều chỉnh chính sách: Kết quả kiểm tra, giám sát phải trở thành căn cứ thực tiễn để phát hiện bất cập, điều chỉnh chính sách, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội.

4.4.2. Đổi mới hoạt động đánh giá chính sách trên cơ sở kết quả và tác động xã hội

- Đổi mới cách đánh giá chính sách: Chuyển từ đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ hành chính sang đánh giá kết quả thực tế và tác động của chính sách đối với đời sống người dân.

- Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá thống nhất: Đánh giá dựa trên các tiêu chí như mức độ bao phủ, khả năng tiếp cận, hiệu quả sử dụng nguồn lực, cải thiện chất lượng cuộc sống và tác động đến tiến bộ, công bằng xã hội.

- Đánh giá dựa trên bằng chứng: Kết hợp dữ liệu quản lý nhà nước với điều tra xã hội học, khảo sát mức độ hài lòng và phân tích định lượng để phản ánh đầy đủ hiệu quả kinh tế – xã hội và tính bao trùm của chính sách.

- Đánh giá theo tác động thực chất: Không chỉ xem xét số người được hưởng hay kinh phí thực hiện mà phải đánh giá những thay đổi thực tế do chính sách tạo ra, như khả năng duy trì học tập, giảm bỏ học, tăng cơ hội tiếp cận giáo dục.

- Mở rộng đánh giá độc lập và công khai kết quả: Huy động viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức xã hội tham gia đánh giá; đồng thời công khai kết quả để người dân và các chủ thể xã hội phản biện, giám sát.

- Sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh chính sách: Kết quả đánh giá phải trở thành căn cứ sửa đổi chính sách, phân bổ nguồn lực và nâng cao trách nhiệm giải trình, giúp Nhà nước phản ứng kịp thời và nâng cao hiệu quả hệ thống an sinh xã hội.

4.4.3. Tăng cường trách nhiệm giải trình và sự tham gia giám sát của xã hội

- Tăng cường trách nhiệm giải trình và minh bạch: Hoàn thiện cơ chế công khai toàn bộ chu trình chính sách, từ xây dựng, phân bổ nguồn lực, thực hiện đến đánh giá kết quả; bảo đảm người dân dễ tiếp cận và kiểm chứng thông tin.

- Phát huy giám sát, phản biện xã hội: Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và người dân trong giám sát, phản biện và phản hồi chính sách.

- Thiết lập cơ chế phản hồi và đối thoại: Chính quyền địa phương cần tổ chức đối thoại định kỳ, mở rộng các kênh tiếp nhận phản ánh trực tuyến, quy định rõ trách nhiệm và thời hạn xử lý, đồng thời công khai kết quả giải quyết kiến nghị.

- Tăng cường giám sát dựa trên dữ liệu: Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở về an sinh xã hội, định kỳ công khai các chỉ tiêu về độ bao phủ, hiệu quả sử dụng nguồn lực, chất lượng dịch vụ và mức độ hài lòng của người dân.

- Gắn giám sát với hoàn thiện chính sách: Kết quả giám sát, phản biện và phản hồi của xã hội phải được xem xét, giải trình và sử dụng làm căn cứ điều chỉnh, hoàn thiện chính sách, hạn chế trục lợi, bỏ sót hoặc hỗ trợ sai đối tượng.

4.4.4. Thiết lập cơ chế điều chỉnh chính sách linh hoạt trên cơ sở tổng kết thực tiễn và dự báo

- Chủ động rà soát, đánh giá chính sách: Thiết lập quy trình định kỳ tổng kết thực tiễn, đánh giá kết quả và kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách an sinh xã hội.

- Tăng cường năng lực dự báo: Theo dõi, phân tích các biến động về dân số, việc làm, thu nhập, nhu cầu xã hội và các rủi ro mới để chủ động điều chỉnh chính sách trước khi vấn đề phát sinh trên diện rộng.

- Hoàn thiện pháp luật đồng bộ: Rà soát, sửa đổi các quy định pháp luật giữa các trụ cột an sinh xã hội, hạn chế điều chỉnh cục bộ, chồng chéo; đặc biệt mở rộng chính sách đối với lao động phi chính thức và lao động trên nền tảng số.

- Phát huy vai trò của địa phương: Chính quyền địa phương tổng hợp khó khăn, vướng mắc và phản ánh nhu cầu thực tế của người dân, cung cấp dữ liệu cho Trung ương điều chỉnh chính sách.

- Điều chỉnh đồng bộ các trụ cột: Thường xuyên rà soát bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội, việc làm và các dịch vụ xã hội cơ bản để bảo đảm phù hợp với già hóa dân số, thiên tai, dịch bệnh và những rủi ro mới.

- Dựa trên khoa học và dữ liệu: Huy động viện nghiên cứu, trường đại học; xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất, ứng dụng dữ liệu lớn và AI để nâng cao chất lượng dự báo, đánh giá tác động.

Tiểu kết chương 4

Phát huy vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội là yêu cầu khách quan nhằm gắn kết phát triển kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và đáp ứng những biến đổi của đời sống trong giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Các giải pháp cần tập trung nâng cao năng lực hiện thực hóa chính sách, trong đó Nhà nước giữ vai trò trung tâm về xây dựng thể chế, tổ chức thực hiện, bảo đảm nguồn lực, kiểm tra, giám sát và điều chỉnh chính sách, đồng thời phát huy sự tham gia của các chủ thể xã hội. Qua đó, hướng tới xây dựng hệ thống an sinh xã hội hiện đại, bao trùm, bền vững, thích ứng và bảo đảm tốt hơn quyền lợi của người dân.

KẾT LUẬN

An sinh xã hội là phương diện quan trọng thể hiện bản chất xã hội của Nhà nước và trình độ phát triển của xã hội; trong đó, Nhà nước giữ vai trò trung tâm trong xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện chính sách, trên cơ sở vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với điều kiện Việt Nam. Thực tiễn cho thấy hệ thống an sinh xã hội đã đạt nhiều kết quả tích cực, song vẫn còn những hạn chế về thể chế, nguồn lực, tổ chức thực hiện và khả năng thích ứng trước các biến đổi mới, đòi hỏi Nhà nước tiếp tục nâng cao năng lực hiện thực hóa mục tiêu chính sách trong đời sống. Vai trò trung tâm của Nhà nước cần được thực hiện theo hướng kiến tạo thể chế, điều phối nguồn lực, bảo đảm quyền lợi, kiểm tra, giám sát và điều chỉnh chính sách, đồng thời phát huy sự tham gia của thị trường và các chủ thể xã hội. Qua đó, góp phần xây dựng hệ thống an sinh xã hội hiện đại, bao trùm, bền vững, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đáp ứng mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. Nguyễn Ngân Hà. (2025). Vai trò của Nhà nước trong thực hiện chính sách an sinh xã hội đảm bảo an ninh con người ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, số 4, tr.19-26.
2. Nguyễn Ngân Hà. (2025). Vai trò của Nhà nước trong an sinh xã hội theo từng hình thái kinh tế - xã hội, *Tạp chí Quản lý Nhà nước,* số tháng 8/2025, ISSNe 2815-5831
3. Nguyễn Ngân Hà. (2025). Vai trò của Nhà nước trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, Chuyên đề số 3-2025, tr.43-46.
4. Nguyễn Ngân Hà. (2026). Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của Nhà nước trong đảm bảo quyền học tập cho mọi tầng lớp nhân dân. *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội,* số 5, tr.3-10.